

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ THÀNH NGỮ SO SÁNH CỦA TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

ĐÀO THỊ THANH HUYỀN*

1. Khái quát về thành ngữ tiếng Việt

Có thể nói, thành ngữ là một bộ phận quan trọng cấu thành nên sự đa dạng, phong phú trong kho tàng văn hóa dân gian của các dân tộc nói chung, của dân tộc Việt Nam nói riêng. Thành ngữ là tấm gương phản chiếu rõ nét nhất cái hay, cái đẹp của tiếng nói dân tộc ta được truyền lại qua bao đời nay. Nếu sử dụng thành ngữ đúng lúc, đúng chỗ khi viết cũng như khi nói thì nội dung ngôn ngữ cần truyền đạt sẽ trở nên rất sinh động, sâu sắc và mang tính thuyết phục cao. So với câu “Hôm nay, trời tối quá!” thì câu nói có sử dụng thành ngữ “Hôm nay, trời *tối như hũ nút*” hay “Hôm nay, trời *tối như đêm ba mươi*” giàu hình ảnh và uyển chuyển hơn rất nhiều.

Thành ngữ là mảnh đất màu mỡ đối với nhiều nhà nghiên cứu, thế nên, thành ngữ học với tư cách là một bộ môn ngôn ngữ học đã ra đời từ khá lâu. Đối tượng của thành ngữ học là nghiên cứu bản chất các đơn vị thành ngữ và các đặc trưng phạm trù của chúng cũng như làm sáng tỏ các quy luật hoạt động của chúng trong lời nói. Ví dụ: “*đom đóm sáng đằng đít*”, “*cáo mượn oai hùm*”, “*cẩn tắc vô ưu*”, “*bắt cá hai tay*”, “*bút sa gà chết*”...

Vậy, thế nào là thành ngữ? Cho đến nay, đã có rất nhiều các định nghĩa về thành ngữ được đưa ra như “*Thành ngữ là tập hợp từ cố định đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo nên nó*” (9, tr.915). Ví dụ: “*cái sậy nảy cái ung*”, “*một nắng hai sương*”, “*nước chảy chỗ trũng*”... “*Thành ngữ là cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó, tức là không có nghĩa đen và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu*” (10, tr.271), ví dụ: “*nửa doi nửa chuột*”, “*nhàn cư vi bất thiện*”, “*sang hèn cũng ba tấc đất*”...; hay “*Thành ngữ là những câu nói ngắn gọn dân gian thường dùng trong khi nói hay viết cho có vẻ mầu mè*” (6, tr.3). Ví dụ: “*Tắm ngấm tắm ngấm mà đắm chết voi*”, “*Chó cạy gần nhà, gà cạy gần chuồng*”, “*Chuột sa chĩnh gạo*” v.v.. Các định nghĩa trên tuy không hoàn toàn đồng nhất nhưng tựu chung vẫn nêu lên được những đặc điểm chính của thành ngữ.

* Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Hà Nội

Trong khi phân chia các cấp độ ngôn ngữ, thành ngữ thường được các nhà ngôn ngữ học xếp ở tầng bậc trên từ, dưới câu. Đó cũng là vị trí của thành ngữ trong tiếng Việt. Nếu kể cấp bậc thì thành ngữ là “anh”, từ đơn lẻ là “em”, vì thành ngữ, qua thời gian đã được tập hợp một cách gắn bó thành cụm. Ví dụ: “*lợn đầu, cau cuối*”; “*ăn trắng, mặc trơn*”; “*ác giả, ác báo*”; “*ăn tục, nói phét*”; “*cá bể, chim ngàn*”... Như vậy, thành ngữ là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người quen dùng nhưng tự riêng nó không diễn đạt được một ý trọn vẹn. Về hình thức ngữ pháp, mỗi thành ngữ chỉ là một nhóm từ, chưa phải là một câu hoàn chỉnh. Ví dụ: “*chạy trời không khỏi nắng*”, “*khối như hun chuột*”, “*anh hùng rơm*”...

“Thành ngữ thường là những tập hợp từ giàu hình ảnh gợi lên một sự liên tưởng, so sánh khiến người ta có thể dễ dàng cảm nhận được những khái niệm trừu tượng thông qua một sự vật, sự việc cụ thể. Với thành ngữ, người ta có thể tạo ra những câu súc tích, sinh động, bóng bẩy, uyển chuyển, nói ít mà gợi nhiều” (1, tr.3). Theo tác giả Hồng Huy, thành ngữ tạo ra sự mặc nhiên hiểu nhau giữa người nói và người nghe thông qua ngữ nghĩa có tính cách ước lệ, đã được thừa nhận theo truyền thống. Chẳng hạn, khi nói “*Cô ấy có dung nhan chìm sa cá lặn*” thì không ai kiểm tra hay thắc mắc rằng khi đứng trước cô ấy, chim có sa không và cá có lặn thật không mà tự hiểu ngay rằng đây là một cô gái vô cùng xinh đẹp.

Thành ngữ và tục ngữ đều là kho báu của văn hóa dân tộc. Ở đó chứa đựng tư duy độc đáo, quan điểm thẩm mỹ cũng như cách đối nhân xử thế của người Việt ta. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp người nói nhầm lẫn giữa thành ngữ và tục ngữ, vì vậy, chúng ta nên phân biệt rõ ràng hai thể loại này. Như chúng ta đã biết, “*tục ngữ là những câu ngắn gọn, có cấu trúc tương đối ổn định, đúc kết kinh nghiệm sống, đạo đức, tri thức của một dân tộc*” (10, tr.329) hay “*Tục ngữ là những câu nói có tính chất răn dạy hay châm biếm chuyện đời*” (6, tr.3), ví dụ: “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*”; “*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*”; “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”; “*Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân*”; “*Học thầy không tày học bạn*”...

Tục ngữ thường là một câu tự nó diễn tả trọn vẹn một ý, một nhận xét, là một kinh nghiệm, một bài học, một luân lí, một chân lí, có khi là một sự phê phán hay là câu nhắc nhở, khuyên răn người đời... Tục ngữ là một thể loại sáng tác ngang hàng với các thể loại ca dao, dân ca còn thành ngữ là một cụm từ trọn vẹn, quen thuộc, được dùng trong câu nói thông thường cũng như được dùng trong tục ngữ, ca dao, dân ca. Các câu tục ngữ: “*Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa*”; “*Con hơn cha là nhà có phúc*”; “*Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa*”; “*Chết vinh hơn sống nhục*”; “*Sống cái nhà, già cái mồ*”... rõ ràng là khác so với các thành ngữ: “*dãi gió dầm mưa*”; “*ăn chay nằm đất*”; “*chết đứng như Từ Hải*”; “*sống vất sống vương*”...

Thành ngữ thường có ý nghĩa một chiều, một mặt, nói lên một tình trạng nhưng lại không có kết thúc. Ví dụ thành ngữ “áo rách, quần manh” hay “áo cộc, quần manh” chỉ nói lên tình trạng nghèo, nhưng ai nghèo, nghèo làm sao thì không được rõ. Còn câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” thì có ý nghĩa trọn vẹn hơn. Câu tục ngữ này cũng nói lên tình trạng nghèo nhưng đồng thời nó còn là một lời khuyên, một lời răn dạy con người dù có rơi vào tình cảnh đói rách cũng nên giữ mình trong sạch, dù nghèo cũng phải giữ lấy đạo đức.

Tuy có sự khác nhau nhưng nhìn chung cả thành ngữ và tục ngữ đều rất ngắn gọn, hàm súc, trí tuệ, rất dễ nhớ, dễ thuộc. Cả thành ngữ và tục ngữ đều là tinh hoa trong kho tàng ngôn ngữ mỗi dân tộc, chúng góp phần rất đặc lực trong việc giao lưu tư tưởng, tình cảm giữa con người với con người.

Thành ngữ tiếng Việt có ba đặc tính chủ yếu sau:

a. Về mặt kết cấu hình thái, thành ngữ tiếng Việt phổ biến thuộc loại cụm từ cố định, cũng có thể có thành ngữ mang tính cố định cao, kết cấu vững chắc, đạt mức một ngữ cú cố định như: “bắt chạch đằng đuôi”, “mèo mù vớ cá rán”, “mồm chó vớ ngựa”, “người sống, đồng vàng”, “miệng thơm thốt, dạ ót ngâm”... Nếu đem thay đổi trật tự, vị trí từ hoặc một từ loại tương đương thì lập tức kết cấu bị phá vỡ, ý nghĩa bị thay đổi và không còn giá trị của một thành ngữ nữa. Ví dụ, với thành ngữ “Nước mắt cá sấu”, nếu ta thay “cá sấu” bằng bất kì một loại cá nào khác như cá chép, cá trê, cá mập... thì giá trị của câu thành ngữ này sẽ hoàn toàn thay đổi và không còn đúng so ý nghĩa ban đầu. Cho nên, không phải bất cứ cụm từ cố định hay một ngữ cú cố định nào cũng có thể trở thành thành ngữ, ví dụ như: “khoa học kĩ thuật”, “bánh xe lịch sử”, “gia đình vẻ vang”...

b. Ngoài kết cấu hình thái, chúng ta cần phải lưu ý tới mặt biểu hiện nghĩa của thành ngữ. Một bộ phận thành ngữ tiếng Việt có tính đa nghĩa, nhưng trong đó nghĩa bóng có tầm quan trọng hơn cả, nghĩa bóng cũng là đặc tính bản chất của thành ngữ, ví dụ: “đi guốc trong bụng”, “ruột để ngoài da”, “Bụt chùa nhà không thiêng”, “về châu ông vãi”, “đàn gảy tại trâu”...

Trong tiếng Việt có loại thành ngữ với những thành tố đã mất nghĩa thực, nhất là loại chuyển nghĩa bằng phương pháp khoa trương. Ví dụ: “không cánh mà bay”, “rán sành ra mỡ”, “đi guốc trong bụng”, “khôn mọt lông trong bụng”, “vắt cổ chà ra nước”... Việc tạo lập những sự kiện và những hình tượng loại này tuy đã khá xa người thực, việc thực mà vẫn rất sinh động, gần gũi với đời sống nhân dân.

c. Xem xét quá trình vận động và sử dụng thành ngữ tiếng Việt cũng là một vấn đề phức tạp. Chính mặt này đã tạo ra những quan hệ ngữ pháp của thành ngữ. Khi thành

ngữ là một cụm từ cố định có giá trị tương đương như một từ thì nó cũng là đơn vị có thể hành chức độc lập trong câu.

Khi thành ngữ được sử dụng như một mệnh đề, một ngữ cú cố định nào đó trong câu phức hợp thì nó có giá trị như một cụm từ chủ vị. Tính chất một cụm từ chủ vị khá rõ ràng đối với một số đơn vị thành ngữ tiếng Việt. Ví dụ: “*Châu chấu đá xe*”, “*Ếch ngồi đáy giếng*”, “*Chó ngáp phải ruồi*”... Nhưng khi những đơn vị này vận động trong một câu phức hợp thì chúng chỉ còn giá trị tương đương như một mệnh đề.

Trong thành ngữ tiếng Việt, ba đặc trưng trên có liên quan với nhau chặt chẽ, đặc tính nọ hỗ trợ, bổ sung cho đặc tính kia và chúng không thể tách rời đặc trưng chung của tiếng Việt, trong đó, đặc trưng phân tiết tính là đặc trưng chi phối mọi mặt của thành ngữ tiếng Việt.

2. Khái quát về thành ngữ tiếng Anh

Từ “*Idioms*” trong tiếng Anh có hai nghĩa tương ứng với hai loại thành ngữ của tiếng Anh.

a. “*Idioms*” có nghĩa thứ nhất là loại ngôn từ có tính chất đặc trưng, riêng biệt (đặc ngữ) nằm trong hệ thống chung của một dân tộc, một đất nước thậm chí một vùng hoặc một cá nhân. Tương ứng với nghĩa này là những thành ngữ mang nặng tính cấu tạo từ.

Ví dụ: *To go on = to continue*
 To look + down upon = to despise
 To pull + down = to destroy

b. “*Idioms*” có nghĩa thứ hai là chỉ những cụm từ (xét về mặt ngữ pháp) mà nghĩa của từng từ riêng lẻ trong đó không rõ ràng, thể hiện ở chỗ ta có thể hiểu hết nghĩa của từng từ nhưng khi ghép chúng với nhau thì nghĩa của cụm từ rất ngô nghê hoặc vô nghĩa. Tương ứng với nghĩa này là loại thành ngữ mang nặng tính tu từ, giàu hình ảnh. Từ hình ảnh cụ thể, cụm từ mang thêm những nghĩa mới.

Ví dụ:

Người Anh có các cụm từ: “*give way*” (đưa cho lối đi); “*in order to*” (ở trong trật tự cụ thể); “*give in*” (đưa vào). Với những thành ngữ loại này, ta chỉ hiểu được nghĩa của chúng trên bình diện chung của cả cụm từ.

“*give way*”: *nhượng bộ, chịu thua, giảm giá, cong, oằn...*
 “*in order to*”: *nhằm để*
 “*give in*”: *nhượng bộ, chịu thua, giao nộp, đưa vào...*

Người Anh cũng có nhiều thành ngữ giàu hình ảnh như:

“*Diamond cuts diamond*” (kim cương cắt kim cương) ý nói những kẻ có bản lĩnh cao cường cũng sẽ có lúc gặp phải kẻ có bản lĩnh cao cường hơn. Thành ngữ tiếng Việt có ý nghĩa tương đương là “*Kẻ cắp gặp bà già*”, “*Bốn chín gặp năm mười*” hay “*Vò quýt dày có móng tay nhọn*”.

“*to carry coals to Newcastle*” (chở than về Newcastle) ngụ ý làm một việc thừa. Thành ngữ tiếng Việt tương đương là “*Chở củi về rừng*”.

“*to laugh in one's beard*” (cười trong bộ râu của mình) ngụ ý cười thâm trong bụng.

“*go down memory lane*” (bạn đi trên đường Memory Lane) có ý nói bạn hãy nghĩ về quá khứ.

“*a bull in a china shop*” (chú bò trong cửa hàng đồ sứ) ngụ ý một người lóng ngóng, vụng về... Thành ngữ tiếng Việt tương đương là “*như gà mắc tóc*” hay “*loanh quanh như chó nằm chổi*”...

Tiểu kết:

Ngôn ngữ, trong đó có thành ngữ, là bộ phận cấu thành của nền văn hóa dân tộc. Nghiên cứu đối chiếu thành ngữ hai ngôn ngữ ở bình diện giao tiếp là nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ với các nhân tố văn hóa - xã hội ngoài ngôn ngữ tác động đến chủ thể nói khi sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp ở cấp độ phát ngôn. Điều này đòi hỏi đối chiếu ngôn ngữ trước hết phải đối chiếu hai nền văn hóa, những bối cảnh còn lưu giữ trong tiềm thức người bản ngữ những nhân tố con người và xã hội.

Về mặt lí luận, đối chiếu ngôn ngữ là để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt về cấu trúc và hoạt động. Chính vì thế, việc khảo sát hoạt động của thành ngữ trong giao tiếp không thể tách rời việc khảo sát cấu trúc ngữ nghĩa của chúng bởi nghĩa vị tiềm năng có trong nghĩa khởi nguyên của thành ngữ (cấu trúc ngữ nghĩa) luôn là đầu mối của sự liên tưởng đến hiện thực khách quan thường trực trong kí ức của chủ thể nói. Từ đây, thông qua nghĩa liên hội và sự lựa chọn của chủ thể nói, chúng ta sẽ xác định được nghĩa thực của thành ngữ được dùng trong giao tiếp.

Xét về phương diện đối chiếu hai ngôn ngữ, thành ngữ là một đơn vị ngôn ngữ đặc trưng có đặc điểm khu biệt với tất cả những đơn vị ngôn ngữ khác. Do đó, nó trở thành một hiện tượng ngôn ngữ khá tiêu biểu trong nghiên cứu ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng học tương phản nói riêng vốn liên quan mật thiết đến hoạt động giao tiếp.

Thành ngữ tiếng Việt và tiếng Anh chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa phong phú của hai dân tộc. Vì vậy đối chiếu thành ngữ của hai ngôn ngữ này là việc không hề đơn

giản. Sau đây là một vài tìm hiểu bước đầu của chúng tôi về thành ngữ so sánh của tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Đối chiếu thành ngữ so sánh của tiếng Việt và tiếng Anh

3.1. Về đặc điểm cấu trúc

Trước hết, phải hiểu thế nào là thành ngữ so sánh. Thành ngữ so sánh là thành ngữ trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh để so sánh một vật này với một vật khác để làm cho nghĩa rõ hơn.

Cuốn “*Thành ngữ tiếng Việt*” (Nxb Khoa học xã hội, 1978) cho rằng “*loại thành ngữ không xa với nghĩa thực, có khi dùng cả nghĩa thực với nghĩa bóng là loại thành ngữ so sánh*”.

Thành ngữ so sánh luôn có đủ hai vế đối xứng: A so sánh với B.

Ta có thể đưa ra công thức của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt như sau:

A	n	B
----------	----------	----------

Trong đó:

A là thuộc tính chung giữa A và B

n là quan hệ so sánh

B là yếu tố so sánh.

Ví dụ:

chạy như bay

cao như hạc thờ

gày như xác ve

thơm như thị

buồn như cha chết...

A n B

Tiếng Việt cũng có những thành ngữ so sánh giản lược, tức là một vế của thành ngữ được giảm đi hoặc khái niệm được phản ánh trong thành ngữ được ngầm hiểu.

Ví dụ:

như cá gặp nước

như trăng với sao

như chó với mèo

như điều gặp gió

như đội gáo nước lạnh.

n B

Loại thành ngữ này có công thức:

n	B
---	---

Khác với thành ngữ so sánh của tiếng Việt, thành ngữ so sánh của tiếng Anh có công thức như sau:

as	A	as	B
----	---	----	---

Ví dụ:

<i>as</i>	<i>brief</i>	<i>as</i>	<i>a dream</i>
<i>as</i>	<i>big</i>	<i>as</i>	<i>elephant</i>
<i>as</i>	<i>cheap</i>	<i>as</i>	<i>dirt</i>
<i>as</i>	<i>true</i>	<i>as</i>	<i>steel</i>
<i>as</i>	<i>stupid</i>	<i>as</i>	<i>a donkey</i>

Thành ngữ so sánh tiếng Anh cũng có một loại khác với công thức là:

A	like	B
---	------	---

Ví dụ:

<i>to cry</i>	<i>like</i>	<i>a boy</i>
<i>to drop</i>	<i>like</i>	<i>a stone</i>
<i>to stick</i>	<i>like</i>	<i>glue</i>
<i>to eat</i>	<i>like</i>	<i>a pig</i>
<i>to roar</i>	<i>like</i>	<i>a lion</i>

Thành ngữ nói chung có cấu trúc đa dạng, phong phú và khá phức tạp nhưng thành ngữ so sánh tiếng Anh và tiếng Việt chủ yếu là theo bốn mô hình nói trên. Cấu trúc của thành ngữ so sánh của hai ngôn ngữ này khá ổn định.

Quan hệ giữa các thành tố trong thành ngữ so sánh của tiếng Việt và tiếng Anh cũng có nhiều điểm tương đồng và khác biệt.

Vế A trong thành ngữ hai thứ tiếng đều có thể là tính từ, động từ, danh từ nhưng phổ biến nhất là tính từ và động từ.

Ví dụ: Vế A là tính từ

1. nát như tương	<i>as black as coal</i>
2. nặng như cùm	<i>as dry as dust</i>
3. chậm như sên	<i>as free as the air</i>
4. hiền như bụt	<i>as red as a rose</i>
5. đẹp như tiên	<i>as young as morn</i>
6. cay như ớt	<i>as ugly as a bear</i>
7. êm như ru...	<i>as round as an orange...</i>

Ví dụ: Vế A là động từ

1. nâng như nâng trướng	<i>to drink like a pig</i>
--------------------------------	----------------------------

2. <i>chết</i> như ngả rạ	<i>to sing like a lark</i>
3. <i>câm</i> như thóc	<i>to sleep like a log</i>
4. <i>nói</i> như đám vào tai	<i>to swim like a fish</i>
5. <i>chạy</i> như bay	<i>to float like a cock</i>
6. <i>ăn</i> như hổ	<i>to follow like a shadow</i>
7. <i>cười</i> như nắc nẻ...	<i>to roar like a lion...</i>

Vế B là yếu tố so sánh tương đồng nhưng cũng có thể B bắt nguồn từ những điển tích văn học hay những đặc trưng văn hóa riêng của mỗi nước. Người Việt Nam có thành ngữ “*nóng như Trương Phi*”. Vế B là Trương Phi, một nhân vật trong truyện “Tam quốc diễn nghĩa” của Trung Quốc. Trương Phi tính tình nóng nảy, dễ nổi khùng, nên thành ngữ này dùng để chỉ những người dễ cáu giận. Không chỉ là người Anh mà những người nước ngoài nếu không hiểu, không biết nhân vật Trương Phi trong văn học thì rất khó hiểu rõ ý nghĩa của thành ngữ này.

Tương tự, người Anh cũng có thành ngữ “*as soft as butter*” nghĩa là “mịn như bơ”. Trong văn hóa ẩm thực của Anh, bơ là một món ăn truyền thống không thể thiếu được làm từ sữa nhưng món ăn này lại khá xa lạ với người Việt Nam. Vì thế, không phải ai cũng biết “bơ” là cái gì và “*mịn như bơ*” là mịn như thế nào.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu các thành ngữ rất có tác dụng trong việc tìm hiểu văn hóa, lịch sử... của các dân tộc trên thế giới. Mỗi thành ngữ của một ngôn ngữ đều mang một bản sắc văn hóa riêng.

n là quan hệ so sánh trong thành ngữ so sánh. Tiếng Anh chỉ có cặp từ “**as... as**” và từ “**like**” còn ở tiếng Việt **n** = **như, tựa, tựa**.

Ví dụ: *nói như đổ mỡ vào mặt*
 tội to tựa đình
 đỏ tựa son v.v...

3.2. Về đặc điểm chức năng - ngữ nghĩa

Thành ngữ so sánh của tiếng Việt và tiếng Anh đều không nêu lên một nhận xét, một kinh nghiệm hay một chân lí, một sự phê phán cụ thể nào như tục ngữ. Thành ngữ nói chung, thành ngữ so sánh nói riêng thường mang chức năng thẩm mỹ nhiều hơn chức năng nhận thức và chức năng giáo dục.

Ví dụ: Thành ngữ “*đẹp như tiên*” là sự ví von rất sinh động và mang tính thẩm mỹ cao trong tiếng Việt nhưng chưa mang lại cho người ta một bài học hay một kinh nghiệm nào. Trái lại, câu tục ngữ “*Cái nết đánh chết cái đẹp*” lại thiên về chức năng nhận thức và chức năng giáo dục con người nhiều hơn. Tương tự, thành ngữ “*as wide*

as hope” (mong manh như hy vọng) mới chỉ nêu lên một tình trạng rất khó khăn chứ chưa khuyên răn người ta kiên trì để đạt tới thành công như câu tục ngữ “*Diligence is the mother of success*” (Kiên nhẫn là mẹ thành công).

Như đã trình bày trong phần 1, ngoài những từ ngữ thông thường, ngôn ngữ nào cũng có một kho tàng thành ngữ là những cụm từ đặc biệt mang tính tu từ cao, có hình ảnh giàu tính tượng trưng và khái quát để chuyển tải thông tin một cách nhanh nhất, diễn đạt tư tưởng, tình cảm một cách nghệ thuật, khéo léo và hiệu quả nhất do tác dụng khơi gợi sự liên tưởng cao trong tư duy nhận thức của con người với các hình ảnh cụ thể, sinh động. Ta thật khó hình dung là nhanh như thế nào khi nghe cụm từ “*rất nhanh*” nhưng sẽ hiểu ngay khi nghe thành ngữ “*nhANH NHƯ chớp*”, “*nhANH NHƯ cắt*” của tiếng Việt hay “*like beans*” (nhANH NHƯ hạt đậu) hay “*like greased lightning*” (nhANH NHƯ tia chớp bôi mỡ) của tiếng Anh.

Đối với nhiều thành ngữ so sánh của tiếng Việt, nếu hiểu được nghĩa đen (nghĩa cụ thể) của chúng thì cũng sẽ dễ dàng hiểu được nghĩa bóng (nghĩa giao tiếp) của những thành ngữ đó. Từ đây, có thể liên tưởng ngay đến những thành ngữ tương tự trong tiếng Anh. Ta dễ dàng nhận thấy nét tương đồng về tư duy cũng như ngôn ngữ của hai dân tộc qua những thành ngữ so sánh như:

“ <i>nhANH NHƯ chớp</i> ”	→	“ <i>like a streak of lightning</i> ”
“ <i>nhƯ nước đổ đầu vịt</i> ”	→	“ <i>like water off a duck's back</i> ”
“ <i>đen NHƯ than</i> ”	→	“ <i>as black as coal</i> ”
“ <i>tiêu tiền NHƯ nước</i> ”	→	“ <i>to spend money like water</i> ”
“ <i>nhát NHƯ thỏ đế</i> ”	→	“ <i>as timid as a rabbit</i> ”
“ <i>chậm NHƯ ốc sên</i> ”	→	“ <i>as slow as snail</i> ”
“ <i>trắng NHƯ tuyết</i> ”	→	“ <i>as white as snow</i> ”
“ <i>nóng NHƯ lửa</i> ”	→	“ <i>as hot as fire</i> ”
“ <i>rõ NHƯ ban ngày</i> ”	→	“ <i>as bright as day</i> ”
“ <i>tinh NHƯ cú</i> ”	→	“ <i>as wide as an owl</i> ”

Hầu hết các dân tộc trên thế giới đều trải qua các giai đoạn phát triển của xã hội loài người từ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ đến phong kiến, v.v. nên dù ở đâu, con người đều có những điểm chung trong tư duy và nhận thức về tự nhiên và xã hội. Nhưng do mỗi dân tộc có một ngôn ngữ, phong tục tập quán riêng, hoàn cảnh địa lí, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển xã hội... không giống nhau nên với cùng một nhận thức, một tư duy, mỗi dân tộc lại có cách biểu hiện khác nhau.

Thành ngữ “*cá nhảy giường thờ*” rất khó hiểu đối với người Anh bởi nó bắt nguồn từ phong tục cúng cơm cá cho người vùng biển ở Hải Thanh, Thanh Hóa. Vào những

dịp giỗ Tết, trên mâm cỗ của người dân Hải Thanh nhất định phải có cá biển vì họ sợ những người đã khuất đói cơm lạt (nhạt) cá. Những ngày giáp Tết, dù biển động đến mấy họ cũng phải kiếm cho bằng được cá để cúng. Chuyện kể rằng, đã đến ngày 30 Tết rồi mà gia đình họ vẫn chưa có cá nên không cúng được. Bà vợ đi khắp nơi tìm mua cá mà không được. Bà buồn bã quay về nhà thì bỗng nhìn thấy trên mâm cỗ nhà mình đã có một đĩa cá tươi tắn. Bà mừng rỡ hỏi người con dâu “Cá ở đâu vậy con?”. Người con dâu hóm hỉnh trả lời “Biết nhà mình chưa có cá để cúng nên cá tự nhảy lên giường thờ đấy mẹ ạ”. Thì ra, ông bố đi biển nhưng ở lại, không về nhà ăn Tết cùng gia đình nhưng đã gửi cá cho thuyền khác nhờ mang về nhà. Thành ngữ “*cá nhảy giường thờ*” đã ra đời như vậy, chỉ những sản vật quý hiếm có được lúc hiếm hoi, hoặc chỉ những thứ hàng đắt rất khó mua.

Thành ngữ “*phỉ chí tang bồng*” cũng khó lí giải đối với người Anh vì câu thành ngữ này bắt nguồn từ điển tích Trung Quốc. Khi sinh con trai, người Trung Quốc lấy cung làm bằng gỗ dâu (tang) và mũi tên bằng bồng cỏ (bồng) bắn đi bốn phương để tỏ chí nam nhi.

Người Việt chúng ta cũng khó hiểu nghĩa của nhiều thành ngữ tiếng Anh do sự khác biệt về địa lí, môi trường sống, bản sắc văn hóa, tâm lí dân tộc... Ví như tiếng Anh có thành ngữ “*a sop to Cerberus*” (miếng bánh mì sữa dành cho con chó Cerberus). Cerberus là một con chó gác cổng trong thần thoại Hy Lạp mà người nào muốn đi qua để thoát khỏi địa ngục phải ném một thứ gì đó để lấy lòng con chó. Thành ngữ này có ý nói đến một thứ quà đấm mồm, một vật dùng để hối lộ. Nếu chúng ta không biết điển tích này thì thật khó hiểu ý nghĩa của thành ngữ trên.

Còn thành ngữ “*beware of Greeks bearing gifts*” có nghĩa là *hãy cảnh giác với những ai đem quà tới tặng*. Thành ngữ này xuất phát từ câu chuyện con ngựa thành Troia. Theo thần thoại Hy Lạp, quân Hy Lạp muốn chiếm thành nên đã âm mưu dùng một con ngựa gỗ giả làm quà tặng cho quân thành Troia nhưng trong bụng ngựa có chứa rất nhiều quân mai phục. Đêm đến, quân Hy Lạp từ trong bụng ngựa chui ra mở cửa thành, đốt lửa làm hiệu cho đại quân mở cửa vào thành nên thành Troia bị hạ nhanh chóng.

Tâm lí dân tộc của người Việt và người Anh khác nhau, điều này được phản ánh rõ trong thành ngữ hai dân tộc, đặc biệt là thành ngữ so sánh.

Về A trong thành ngữ so sánh của tiếng Việt và tiếng Anh giống nhau nhưng về B thường khác nhau. Điều này phụ thuộc vào tư duy, tâm lí của người dân phương Đông và phương Tây.

Ví dụ:

1. **cao** như hạc thờ → as **high** as the stars

2. ngu như bò	→	(cao như các vì sao) as stupid as a donkey (ngu như lừa)
3. ướt như chuột lột	→	as wet as fish (ướt như cá)
4. thật thà như đếm	→	as honest as a mirror (thật thà như soi gương)
5. hiền như nai	→	as meek as a lamb (hiền như cừu non)
6. đễ như trở bàn tay	→	as easy as pie (dễ như chiếc bánh nướng nhân ngọt)
7. im như thóc	→	as silent as a stone (im như đá)
8. lười như hủi	→	as lazy as a pig (lười như heo)
9. gắt như mắ m tôm	→	as cross as a bear (gắt như gấu)
10. tròn như vại	→	as round as an orange (tròn như cam)
11. làm như trâu	→	to work like a dog (làm như chó)
12. đẹp như Tiên	→	as beautiful as the rain-bow (đẹp như cầu vồng)
13. buồn như châu cấn	→	as cheerless as the grave (buồn như nấm mồ)
14. to như cột đình	→	as big as an elephant (to như voi)
15. dữ như cọp	→	as angry as a wasp (dữ như ong bò vẽ)
16. tươi như hoa	→	as fresh as morn (tươi như buổi sáng)
17. thẳng như ruột ngựa	→	as straight as an arrow (thẳng như mũi tên)
18. dịu dàng như thiên thần	→	as gentle as a lamb (dịu dàng như chim bồ câu)
19. đỏ như máu	→	as red as a rose (đỏ như hoa hồng)
20. mịn như tơ	→	as soft as butter (mịn như bơ)...

Như chúng ta đều biết, Việt Nam có nền kinh tế nông nghiệp, Anh có nền kinh tế công nghiệp. Đồng thời, điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế, tôn giáo, tín ngưỡng... của hai nước cũng khác nhau nên về A giống nhau, về B khác nhau là điều hiển nhiên. Qua các thành ngữ trên ta nhận thấy có sự đồng nhất về tư duy và nhận thức của hai dân tộc nhưng cách thể hiện, so sánh lại hoàn toàn khác nhau.

Vấn đề được đặt ra ở đây là việc dịch các thành ngữ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Dịch thành ngữ là công việc không hề đơn giản bởi đằng sau việc dịch ngôn ngữ còn là việc tránh tạo ra những cú sốc văn hóa (culture shock) do sự khác biệt trong tư duy của hai dân tộc. Nó đòi hỏi người dịch phải có vốn hiểu biết phong phú, sâu rộng về nền văn hóa, phong tục tập quán... của các dân tộc sử dụng hai ngôn ngữ đó (ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ đích). Nếu dịch câu *"He is as joyful as a fly"* là *"Anh ấy vui vẻ như ruồi"* có thể sẽ khiến người Việt gặp một cú sốc về văn hóa, hiểu lầm ý của người nói hay tạo ra sự phản cảm cho người nghe. Nhưng nếu được dịch là *"Anh ấy vui như Tết"* thì sẽ rất đạt.

Dịch thành ngữ phải đạt được các tiêu chuẩn như dịch sát nghĩa, dịch được các kí hiệu văn hóa tức là phải dịch nghĩa bóng của cách thành ngữ sao cho phù hợp với nền văn hóa của ngôn ngữ đích. Thành ngữ *"as poor as a church mouse"* không thể dịch là *"nghèo như chuột trong nhà thờ"* mà phải dịch là *"nghèo rớt mồng tơi"*. Chúng ta dịch nghĩa đen của thành ngữ để hiểu sự khác biệt giữa hai nền văn hóa của hai dân tộc Việt - Anh nhưng khi đi vào sử dụng, ta phải dịch nghĩa bóng của thành ngữ để người nghe dễ dàng cảm nhận, dễ dàng có sự giao lưu tư tưởng, tình cảm, không có sự phản cảm hay ngỡ ngàng khi nghe thành ngữ của dân tộc khác. Nếu người dịch không có sự uyển chuyển và khéo léo đó thì rất dễ dẫn đến việc làm hỏng văn bản hay khiến cho người đọc, người nghe hiểu sai ý nghĩa của các thành ngữ. (Tương tự như thế khi dịch câu thành ngữ tiếng Việt *"nhanh như cắt"* sang tiếng Anh ta không thể dịch là *"as fast as kestrel"* mà phải dịch là *"as fast as lightning"* hoặc *"like beans"*).

4. Kết luận

Thành ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ nói chung, của tiếng Việt và tiếng Anh nói riêng. Cùng với sự phát triển của tiếng nói dân tộc, thành ngữ dần hình thành và được người dân sử dụng như là một công cụ giao tiếp chung. Phát triển thành ngữ là một trong những cách tốt nhất để bổ sung cho vốn từ đối với người học ngoại ngữ.

Xét về mặt tu từ, thành ngữ góp phần làm giàu, làm đẹp cho ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt và tiếng Anh, về nhiều phương diện. Do được hình thành và phát triển trong lịch sử lâu dài của dân tộc, hơn nữa, thành ngữ lại là những cụm từ hay ngữ cố định, có nội dung ngữ nghĩa sâu rộng nên chúng vẫn giữ được nhiều khái niệm thuộc về truyền thống. Vì thế, kho tàng thành ngữ giàu và đẹp của tiếng Việt và tiếng Anh luôn phản ánh được nhiều mặt tri thức về giới tự nhiên, đời sống xã hội cũng như văn hóa của hai dân tộc.

Do có sự khác nhau về đặc điểm cấu trúc cũng như đặc điểm chức năng - ngữ nghĩa nên khi đối chiếu hay dịch thành ngữ, trong đó có thành ngữ so sánh, từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, chúng ta phải có sự am hiểu về văn hóa và tư duy của hai dân

tộc để tạo sự linh hoạt khi “chuyển mã” các kí hiệu văn hóa có trong thành ngữ. Sau khi tiếp nhận ý nghĩa nguyên bản của thành ngữ, nếu người dịch tái tạo lại ý nghĩa đó bằng tư duy và cách diễn đạt của ngôn ngữ đích thì sẽ tránh được những lỗi xuyên văn hóa đáng tiếc.

Nếu xét trên phương diện văn hóa dân tộc, cấu trúc ngữ nghĩa của thành ngữ là một cơ tầng văn hóa sâu nên PGS. TS. Nguyễn Xuân Hòa rất có lí khi đưa ra yêu cầu đối chiếu thành ngữ hai thứ tiếng là “*đối chiếu một cách chọn lọc những yếu tố cần thiết của hai nền văn hóa*” (5, tr.4).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phạm Văn Bình**, 1999. *Tục ngữ nước Anh và thành ngữ tiếng Anh giàu hình ảnh*. Nxb. Hải Phòng.
2. **Hoàng Văn Hành** (chủ biên), 2002. *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. **Hoàng Văn Hành**, 2004. *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. **Nguyễn Xuân Hòa**, 1992. *Đối chiếu ngôn ngữ trong cách nhìn của ngữ dụng học tương phản*. Tạp chí Ngôn ngữ số 1, tr. 43-48.
5. **Nguyễn Xuân Hòa**, 2006. *Những luận điểm cơ bản trong đối chiếu tương phản thành ngữ hai thứ tiếng*. Tập bài giảng.
6. **Trần Ngọc Ngải**, 1997. *Tục ngữ, thành ngữ ca dao và dân ca Việt Nam*. Nxb. Chicago, Illinois.
7. **Nguyễn Đức Tồn**, 2002. *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. **Trần Nguyễn Thanh Vân**, 2007. *Thành ngữ tiếng Anh dễ học*. Nxb. Trẻ.
9. **Viện Ngôn ngữ học**, 2003. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng.
10. **Nguyễn Như Ý** (Chủ biên), 2002. *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Nxb. Giáo Dục.